

Bản án số: 107/2024/HNGĐ- ST

Ngày 26/9/2024

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Thái

2. Ông Nguyễn Xuân Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1979, địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1980, địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S có tự do tìm hiểu và kết hôn năm 1999. Anh chị có được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L.

Sau khi kết hôn, anh chị về nhà đẻ của anh S tại thôn M, xã C sinh sống được khoảng 01 năm. Đến năm 2000, anh chị chuyển ra ở riêng cũng tại thôn M, xã C. Khi vợ chồng chúng sống, anh chị vẫn thường xuyên đi lại với bố mẹ hai bên, thăm

hỏi họ hàng. Anh chị chung sống hòa thuận, có 02 con chung và có thời gian dài chung sống hạnh phúc.

Trong thời gian chung sống, anh S có chơi bời, cờ bạc, lãng nhãng ngoại tình. Thời gian nhà chị nhiều lần khuyên bảo, anh S cũng có nghe nhưng vài tháng sau thì lại như cũ. Tuy nhiên, thời điểm này chị thấy thiệt hại, ảnh hưởng chưa quá nhiều nên chị vẫn bỏ qua, dành cho anh S thời gian để hối cải, quay đầu. Tuy nhiên, đến năm 2018, chị cảm thấy không chịu được nên mâu thuẫn hết sức trầm trọng. Anh S có chơi cờ bạc, tệ nạn xã hội nên chị phải bán nhà, bán đất, bán xe cộ để trả nợ cho anh S hơn 2 tỷ đồng. Anh S nhiều lần bị công an bắt vì đánh bạc, cũng như đi trại K để cải tạo.

Lúc này, gia đình hai bên cũng nhiều lần họp bàn yêu cầu anh S thay đổi, cũng vun vén cho vợ chồng anh chị nhưng không có hiệu quả. Anh S vẫn chơi bời, cờ bạc. Chị khuyên bảo anh S nhiều lần không được.

Nay, chị xác định cuộc sống hôn nhân không thể cứu vãn, chị không còn tình cảm gì với anh S cũng như mâu thuẫn của anh chị đã đến mức hết sức trầm trọng. Do đó, chị làm đơn ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị để chị sớm ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thu P, sinh năm 2000 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 26/9/2012. Hiện cháu P đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn cháu N, nay cháu đang ở với chị nên chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu N cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này cần giải quyết thì chị sẽ đề nghị sau.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ nợ chung, ruộng đất nông nghiệp*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh S, nhưng anh S không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên toà hôm nay, anh S vắng mặt không có lý do.

* Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1959, địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang là mẹ đẻ của bị đơn là anh S, bà trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh S và chị T được gia đình hai bên cho tự nguyện tìm hiểu và có kết hôn với nhau vào năm 1999. Gia đình bà có tổ chức lễ cưới cho chị T và anh S theo phong tục địa phương. Thời gian đầu, anh chị chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Tuy nhiên, anh S có máu cờ bạc nên thường xuyên cờ bạc, cá độ bóng

đá. Thời gian đầu khi ở cùng gia đình bà thì anh S không chơi, sau khi ra ở riêng thì bắt đầu chơi cờ bạc, cá độ.

Đến khoảng năm 2018, anh S có chơi cờ bạc, cá độ dẫn đến bị nợ khoảng 2 tỷ đồng. Chị T phải bán nhà, đất, xe cộ để trả nợ. Thời điểm này, gia đình cũng bà có họp bàn, dàn xếp để anh chị làm hòa nhưng được một thời gian anh S lại lao vào cờ bạc, rượu chè, cá độ. Chị T và anh S mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã đến nay.

Thời gian gần đây, anh S vào miền N sinh sống, thường xuyên gọi điện về cho con gái anh chị là cháu P. Nay, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị T thì bà đề nghị Tòa án cho ly hôn vì hiện nay việc ăn ở của anh chị do anh chị quyết định. Bà thấy anh S cũng không hỏi cải nên vợ con sẽ khổ.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu P, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 26/9/2012. Hiện cháu P đã trưởng thành, cháu N đang ở với mẹ cháu. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Bà không có đề nghị gì, chỉ mong Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ngày 17 tháng 8 năm 2024, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ngày 10 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam mở phiên tòa xét xử vụ án, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa ngày 26 tháng 9 năm 2024, chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật

tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn S;

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 26/9/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn là anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S có địa chỉ tại xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn S, chị T nộp đơn ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh S và đề nghị giải quyết con chung, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[4] Về nội dung:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S có kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã C, huyện L vào ngày 02/11/1999. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại nhà của anh S tại thôn M, xã C. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là anh S có cờ bạc, lô đề, cá độ. Chị và gia đình anh S cũng nhiều lần khuyên bảo, dàn xếp. Tuy nhiên, anh S không có sự thay đổi, chỉ được một thời gian anh S lại quay lại cờ bạc, cá độ. Đến năm 2018, anh S có chơi cờ bạc, tệ nạn xã hội nên chị T phải bán nhà, bán xe trả nợ cho anh S.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, ông Hoàng Cao T1 – trưởng thôn M, xã T cho biết: Chị T và anh S được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C từ những năm 1999 – 2000. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc và có

02 con chung với nhau. Tuy nhiên, qua quá trình sinh hoạt tại địa phương, anh S có chơi bời cờ bạc, thường xuyên có người đến tìm anh S để đòi nợ.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị T được ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là Nguyễn Thu P, sinh năm 2000 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 26/9/2012. Nay ly hôn, con chung là Nguyễn Thu P, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu giải quyết, chị T đề nghị được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 26/9/2012. Nguyên vọng của con chung Nguyễn Thành N là được ở với mẹ.

Xét thấy: Đề nghị của chị T là phù hợp pháp luật, phù hợp đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung, anh S hiện nay không có mặt tại địa phương. Do vậy, cần giao con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 26/9/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị T và anh S không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, X:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 26/9/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh S có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0008328 ngày 12/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Ngọc Oanh

